

(Tiếp theo Công báo số 11 + 12)

PHỤ LỤC II
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC
THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1964/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

A. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định hồ sơ và quyết định chấp thuận tạm dừng: Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. - Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ	Sở Nông nghiệp và Môi trường (số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1)	Không	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		sung hoàn chỉnh là 06 ngày làm việc.			thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
2	Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định hồ sơ và quyết định chấp thuận trả lại giấy phép: Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Sở Nông nghiệp và Môi trường (số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1).	Không	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ ủy quyền việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
3	Lấy ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có ý kiến bằng văn bản về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất gửi tổ chức, cá nhân.	Sở Nông nghiệp và Môi trường (số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1).	Không	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước. - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
4	Lấy ý kiến về kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất, trên cơ sở phương án bổ sung	Sở Nông nghiệp và Môi trường (số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1).	Không	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		nhân tạo nước dưới đất, kết quả vận hành thử nghiệm, Sở Nông nghiệp và Môi trường cho ý kiến bằng văn bản đối với kết quả vận hành thử nghiệm của công trình bổ sung nhân tạo nước dưới đất và việc đáp ứng yêu cầu để vận hành chính thức gửi tổ chức, cá nhân.			một số điều của Luật Tài nguyên nước. - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
5	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định và quyết định quyết định phê duyệt tiền cấp quyền: Trong thời hạn 21 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Nông nghiệp và Môi trường (số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1).	Không	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03 tháng 4

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
6	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định đề án và quyết định cấp phép: Trong thời hạn 42 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. - Thời gian bổ sung, hoàn thiện đề án không tính vào thời gian thẩm định đề án. Thời gian thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày.	Sở Nông nghiệp và Môi trường (số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1)	Phí thăm định đề án thăm dò hoặc thiết kế giếng thăm dò: - Đối với thiết kế giếng có lưu lượng nước dưới 200 m³/ngày đêm: 200.000 đồng/thiết kế giếng. - Đối với đề án thăm dò có lưu lượng nước từ 200 m³/ngày đêm đến dưới 500 m³/ngày đêm: 550.000 đồng/đề án. - Đối với đề án	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				thăm dò có lưu lượng nước từ 500 m3/ngày đêm đến dưới 1.000 m3/ngày đêm: 1.300.000 đồng/đề án. - Đối với đề án thăm dò có lưu lượng nước từ 1.000 m3/ngày đêm đến dưới 3.000 m3/ngày đêm: 2.500.000 đồng/đề án. - Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng được miễn thu phí.	vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. - Nghị quyết số 124/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố về ban hành các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố. - Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành mức thu 10 loại phí và 07 loại lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.
7	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định	Sở Nông nghiệp và Môi trường (số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận	Phí thẩm định báo cáo: - Đối với công trình dưới 200 m3/ngày đêm:	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	báo cáo và quyết định gia hạn, điều chỉnh giấy phép: Trong thời hạn 35 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. - Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày.	1)	200.000 đồng/báo cáo. - Đối với công trình có lưu lượng nước từ 200 m³/ngày đêm đến dưới 500 m³/ngày đêm: 550.000 đồng/báo cáo. - Đối với công trình có lưu lượng nước từ 500 m³/ngày đêm đến dưới 1.000 m³/ngày đêm: 1.300.000 đồng/báo cáo. - Đối với công trình có lưu lượng nước từ 1.000 m³/ngày đêm đến dưới 3.000 m³/ngày đêm: 2.500.000 đồng/báo cáo. - Hộ nghèo, người	định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. - Nghị quyết số 124/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố về ban hành các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố. - Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng được miễn thu phí.	tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành mức thu 10 loại phí và 07 loại lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.
8	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định báo cáo và quyết định cấp phép: Trong thời hạn 42 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. - Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày.	Sở Nông nghiệp và Môi trường (số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1)	Phí thẩm định báo cáo: - Đối với báo cáo kết quả thi công giếng khai thác của công trình có quy mô dưới 200 m³/ngày đêm: 200.000 đồng/báo cáo. - Đối với báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất của công trình có quy mô từ 200 m³/ngày đêm đến dưới 500 m³/ngày đêm: 700.000 đồng/báo cáo. - Đối với báo cáo	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				kết quả thẩm đo đánh giá trữ lượng nước dưới đất của công trình có quy mô từ 500 m³/ngày đêm đến dưới 1.000 m³/ngày đêm: 1.700.000 đồng/báo cáo. - Đối với báo cáo kết quả thẩm đo đánh giá trữ lượng nước dưới đất của công trình có quy mô từ 1.000 m³/ngày đêm đến dưới 3.000 m³/ngày đêm: 3.000.000 đồng/báo cáo. - Đối với báo cáo hiện trạng khai thác của công trình có quy mô dưới 200 m³/ngày đêm: 200.000 đồng/báo	- Nghị quyết số 124/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố về ban hành các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố. - Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành mức thu 10 loại phí và 07 loại lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				cáo. - Đối với báo cáo hiện trạng khai thác của công trình có quy mô từ 200 m³/ngày đêm đến dưới 500 m³/ngày đêm: 550.000 đồng/báo cáo. - Đối với báo cáo hiện trạng khai thác của công trình có quy mô từ 500 m³/ngày đêm đến dưới 1.000 m³/ngày đêm: 1.300.000 đồng/báo cáo. - Đối với báo cáo hiện trạng khai thác của công trình có quy mô từ 1.000 m³/ngày đêm đến dưới 3.000 m³/ngày đêm: 2.500.000	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				đồng/báo cáo. - Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng được miễn thu phí.	
9	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định báo cáo và quyết định gia hạn, điều chỉnh giấy phép: Trong thời hạn 35 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. - Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày.	Sở Nông nghiệp và Môi trường (số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1)	Phí thẩm định báo cáo: - Đối với công trình dưới 200 m ³ /ngày đêm: 200.000 đồng/báo cáo. - Đối với công trình có lưu lượng nước từ 200 m ³ /ngày đêm đến dưới 500 m ³ /ngày đêm: 550.000 đồng/báo cáo. - Đối với công trình có lưu lượng nước từ 500 m ³ /ngày đêm đến dưới 1.000	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				m3/ngày đêm: 1.300.000 đồng/báo cáo. - Đối với công trình có lưu lượng nước từ 1.000 m3/ngày đêm đến dưới 3.000 m3/ngày đêm: 2.500.000 đồng/báo cáo. - Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng được miễn thu phí.	nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. - Nghị quyết số 124/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố về ban hành các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố. - Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành mức thu 10 loại phí và 07 loại lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.
10	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định hồ sơ và quyết định cấp phép: Trong thời hạn không quá 21	Sở Nông nghiệp và Môi trường (số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1).	- Phí thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép: 700.000 đồng/hồ sơ. - Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng được miễn	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. - Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, kiểm tra thực tế không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh là 14 ngày.		thu phí.	quyền khai thác tài nguyên nước. - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. - Nghị quyết số 124/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố về ban hành các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố. - Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành mức thu 10 loại phí và 07 loại lệ phí trên địa bàn

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					Thành phố Hồ Chí Minh.
11	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định hồ sơ và quyết định gia hạn, điều chỉnh: Trong thời hạn không quá 14 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. - Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, kiểm tra thực tế không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh là 05 ngày làm việc.	Sở Nông nghiệp và Môi trường (số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1).	- Phí thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép: 700.000 đồng/hồ sơ. - Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng được miễn thu phí.	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. - Nghị quyết số 124/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân Thành

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					phổ về ban hành các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố. - Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành mức thu 10 loại phí và 07 loại lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.
12	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định hồ sơ và quyết định cấp lại giấy phép: Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Sở Nông nghiệp và Môi trường (số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1).	Không	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
13	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định hồ sơ và quyết định phê duyệt tiền cấp quyền: Trong thời hạn 21 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Nông nghiệp và Môi trường (số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1).	Không	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
14	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành	Theo thời gian giải quyết của hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác tài nguyên nước, trong đó: * Trường hợp nộp cùng hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước: - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định hồ sơ và phê duyệt quyết định: Trong thời hạn 42 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. - Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ	Sở Nông nghiệp và Môi trường (số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1).	Không	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		sung hoàn chỉnh là 24 ngày. * Trường hợp nộp cùng hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác tài nguyên nước: - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định hồ sơ và phê duyệt quyết định: Trong thời hạn 35 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. - Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày.			
15	Điều chỉnh tiền cấp	- Trong thời hạn 21	Sở Nông nghiệp	Không	- Luật Tài nguyên nước năm

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	quyền khai thác tài nguyên nước	ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Riêng đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP (<i>Có sự điều chỉnh nội dung của giấy phép khai thác tài nguyên nước mà dẫn đến sự thay đổi về căn cứ tính tiền cấp quyền khai thác theo quy định của Nghị định này hoặc dẫn đến có sự thay đổi về nội dung phê duyệt tiền cấp quyền khai thác trước đó</i>), tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đồng thời với việc nộp hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác tài	và Môi trường (số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1).		2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ ủy quyền việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		nguyên nước.			
16	Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024)	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định đề án và quyết định cấp phép: Trong thời hạn 42 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. - Thời gian bổ sung, hoàn thiện đề án không tính vào thời gian thẩm định đề án. Thời gian thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày.	Sở Nông nghiệp và Môi trường (số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1).	a) Đối với thủ tục cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt: Phí thẩm định đề án: - Đối với đề án cho mục đích khác với lưu lượng trên 100 m³/ngày đêm đến dưới 500 m³/ngày đêm: 300.000 đồng/đề án. - Đối với đề án sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng trên 0,1 m³/giây đến dưới 0,5 m³/giây; hoặc cho phát điện với công suất trên 50 đến dưới 200 kw; hoặc cho mục đích khác với lưu	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. - Nghị quyết số 124/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân Thành

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				lượng từ 500 đến dưới 3.000 m³/ngày đêm: 900.000 đồng/đề án. - Đối với đề án cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ 0,5 đến dưới 1 m³/giây; hoặc cho phát điện với công suất từ 200 đến dưới 1.000 kw; hoặc cho mục đích khác với lưu lượng từ 3.000 đến dưới 20.000 m³/ngày đêm: 2.200.000 đồng/đề án. - Đối với đề án cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ 1 đến dưới 2 m³/giây;	phổ về ban hành các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố. - Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành mức thu 10 loại phí và 07 loại lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				hoặc cho phát điện với công suất từ 1.000 đến dưới 2.000 kw; hoặc cho mục đích khác với lưu lượng từ 20.000 đến dưới 50.000 m³/ngày đêm: 4.200.000 đồng/đề án. - Đối với đề án cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2 m³/giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m³, hoặc lưu lượng khai thác từ 2 m³/giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m³ hoặc đối với công	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng dưới 5 m³/giờ: Không. - Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng được miễn thu phí. b) Đối với thủ tục cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển: Phí thẩm định đề án: Không	
17	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định đề án và quyết định gia hạn, điều chỉnh giấy phép: Trong thời hạn 35 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Sở Nông nghiệp và Môi trường (số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1).	a) Đối với thủ tục gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt: Phí thẩm định đề án: - Đối với đề án cho mục đích khác với lưu lượng trên 100	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		- Thời gian bổ sung, hoàn thiện đề án không tính vào thời gian thẩm định đề án. Thời gian thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày.		m ³ /ngày đêm đến dưới 500 m ³ /ngày đêm: 300.000 đồng/ đề án. - Đối với đề án sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng trên 0,1 m ³ /giây đến dưới 0,5 m ³ /giây; hoặc cho phát điện với công suất trên 50 đến dưới 200 kw; hoặc cho mục đích khác với lưu lượng từ 500 đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm: 900.000 đồng/đề án. - Đối với đề án sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ 0,5 đến dưới 1 m ³ /giây; hoặc cho	nước. - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. - Nghị quyết số 124/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố về ban hành các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố. - Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành mức thu 10 loại phí và 07 loại lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				phát điện với công suất từ 200 đến dưới 1.000 kw; hoặc cho mục đích khác với lưu lượng từ 3.000 đến dưới 20.000 m³/ngày đêm: 2.200.000 đồng/ đề án. - Đối với đề án cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ 1 đến dưới 2 m³/giờ; hoặc cho phát điện với công suất từ 1.000 đến dưới 2.000 kw; hoặc cho mục đích khác với lưu lượng từ 20.000 đến dưới 50.000 m³/ngày đêm: 4.200.000 đồng/ đề án.	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				- Đối với đề án cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2 m³/giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m³, hoặc lưu lượng khai thác từ 2 m³/giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m³ hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng dưới 5 m³/giây: Không. - Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng được miễn thu phí. b) Đối với thủ tục	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước biển: Phí thẩm định đề án: Không.	
18	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định hồ sơ và phê duyệt quyết định: Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. - Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh là 06 ngày làm việc.	Sở Nông nghiệp và Môi trường (số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1).	Không	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ ủy quyền việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					Môi trường.
19	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định hồ sơ và quyết định cấp lại giấy phép: Trong thời hạn 14 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Sở Nông nghiệp và Môi trường (số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1).	Không	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
20	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.	Sở Nông nghiệp và Môi trường (số 63 Lý Tự Trọng, phường	Không	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	nước đối với hồ chứa thủy điện	- Thời hạn thẩm định hồ sơ, lấy ý kiến các cơ quan liên quan, phê duyệt phương án: Trong thời hạn 42 ngày, kể từ ngày nhận được phương án đạt yêu cầu quy định.	Bến Nghé, Quận 1).		2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước. - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
21	Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Trong thời hạn 56 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị lấy ý kiến của tổ chức, cá nhân đầu tư dự án, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức các buổi làm việc, cuộc họp, đối thoại trực tiếp hoặc lấy ý kiến bằng văn	Sở Nông nghiệp và Môi trường (số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1).	Kinh phí tổ chức lấy ý kiến: Tổ chức, cá nhân đầu tư dự án chi trả	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03 tháng 4

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		bản với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về những nội dung quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP; tổng hợp ý kiến trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi cho tổ chức, cá nhân đầu tư dự án.			năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

B. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch	Trong thời hạn 14 ngày, kể từ ngày nhận được tờ khai của tổ chức, cá nhân, Sở Nông nghiệp và Môi trường (cơ quan xác nhận đăng ký) có trách nhiệm kiểm tra nội dung	- Ủy ban nhân dân cấp xã gửi thông báo và phát tờ khai đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch cho tổ chức, cá nhân để đăng ký. Trường hợp chưa có công	Không	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		thông tin, xác nhận vào tờ khai và gửi 01 bản cho tổ chức, cá nhân.	trình, tổ chức, cá nhân phải thực hiện việc đăng ký khai thác trước khi đào, xây dựng công trình. - Tổ chức, cá nhân hoàn thành tờ khai và nộp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường (số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1) hoặc nộp cho Ủy ban nhân dân cấp xã. Trường hợp tổ chức, cá nhân nộp tờ khai cho Ủy ban nhân dân cấp xã thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm nộp tờ khai đăng ký cho Sở Nông nghiệp và Môi trường.		nước. - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
2	Đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt,	- Trong thời hạn 14 ngày kể từ ngày	- Ủy ban nhân dân cấp xã gửi thông	Không	- Luật Tài nguyên nước năm 2023.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	nước biển	nhận được tờ khai đăng ký của tổ chức, cá nhân thì Sở Nông nghiệp và Môi trường xác nhận việc đăng ký và gửi 01 bản cho tổ chức, cá nhân. - Trường hợp công trình khai thác nước là hồ chứa, đập dâng thì Sở Nông nghiệp và Môi trường xác nhận việc đăng ký và gửi 01 bản cho tổ chức, cá nhân trong vòng 28 ngày.	báo và phát tờ khai đăng ký khai thác nước mặt, nước biển cho tổ chức, cá nhân đề đăng ký. Trường hợp chưa có công trình, tổ chức, cá nhân phải thực hiện việc đăng ký khai thác trước khi xây dựng công trình. - Tổ chức, cá nhân hoàn thành tờ khai và nộp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường (số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1) hoặc nộp cho Ủy ban nhân dân cấp xã. Trường hợp tổ chức, cá nhân nộp tờ khai cho Ủy ban nhân dân cấp xã thì Ủy ban nhân dân cấp xã		- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			có trách nhiệm nộp tờ khai đăng ký cho Sở Nông nghiệp và Môi trường.		

C. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	Trong thời hạn 14 ngày, kể từ ngày nhận được tờ khai của tổ chức, cá nhân, Ủy ban nhân dân cấp huyện (cơ quan xác nhận đăng ký) có trách nhiệm kiểm tra nội dung thông tin, xác nhận vào tờ khai và gửi 01 bản cho tổ chức, cá nhân.	Tổ chức, cá nhân nộp 02 tờ khai cho Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã. Trường hợp tổ chức, cá nhân nộp cho Ủy ban nhân dân cấp xã thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm nộp tờ khai cho Ủy ban nhân dân cấp huyện. Trường hợp chưa có công trình khai thác nước dưới đất, tổ chức, cá nhân phải thực hiện việc đăng	Không	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực tài

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			ký trước khi xây dựng công trình.		nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
2	Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp huyện)	Trong thời hạn 42 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị lấy ý kiến của tổ chức, cá nhân đầu tư dự án, Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức các buổi làm việc, cuộc họp, đối thoại trực tiếp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về những nội dung quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP; tổng hợp ý kiến trình Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Kinh phí tổ chức lấy ý kiến: Tổ chức, cá nhân đầu tư dự án chi trả	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. - Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03 tháng 04 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		cho tổ chức, cá nhân đầu tư dự án			

PHỤ LỤC III
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN
THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1964/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Hai (02) ngày làm việc. - Thời hạn tiến hành thẩm định, thẩm tra, khảo sát, đánh giá, kết luận Cấp phép: Mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Sở Nông nghiệp và Môi trường (63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1)	Không	- Luật khí tượng thủy văn năm 2015. - Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật khí tượng thủy văn. - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường. - Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật khí tượng thủy văn. - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường - Quyết định số 580/QĐ-BTNMT ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực khí tượng thủy văn thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
2	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Hai (02) ngày làm việc. - Thời hạn tiến hành thẩm định, thẩm tra, khảo sát, đánh giá, kết luận Cấp phép: Mười	Sở Nông nghiệp và Môi trường (63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1)	Không	- Luật khí tượng thủy văn năm 2015. - Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật khí tượng thủy văn.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.			- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường. - Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật khí tượng thủy văn. - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường - Quyết định số 580/QĐ-BTNMT ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực khí

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					tượng thủy văn thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
3	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	Thời hạn tiến hành thẩm định, thẩm tra, khảo sát, đánh giá, kết luận cấp phép: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Nông nghiệp và Môi trường (63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1)	Không	- Luật khí tượng thủy văn năm 2015. - Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật khí tượng thủy văn. - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường. - Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật khí tượng thủy văn. - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường - Quyết định số 580/QĐ-BTNMT ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực khí tượng thủy văn thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

PHỤ LỤC IV
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ
THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1964/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

A. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Cấp, bổ sung, gia hạn, cấp lại, cấp đổi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ	* Cấp giấy phép/bổ sung danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ: không quá 12 ngày làm việc, cụ thể như sau: - Tại Sở Nông nghiệp và Môi trường: không quá 08 ngày làm việc + Thời hạn tiếp nhận hồ sơ: 02 ngày làm việc. + Thời hạn thẩm định hồ sơ: 06 ngày làm việc kể	Sở Nông nghiệp và Môi trường ¹ (số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh)	*Cấp giấy phép/bổ sung danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ: - Dưới 03 hoạt động dịch vụ đo đạc và bản đồ: 4.090.000 đồng/hồ sơ. - Từ 03 đến 05 hoạt động dịch vụ đo đạc và bản đồ: 5.540.000 đồng/hồ sơ.	- Luật Đo đạc và bản đồ số 27/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ. - Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số

¹ Tiếp nhận hồ sơ đối với trường hợp tổ chức đề nghị **cấp giấy phép/ bổ sung danh mục/ gia hạn** giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ **TRỪ** các tổ chức đề nghị cấp giấy phép thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quyết định thành lập; Tổng công ty do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập; tổ chức thuộc tổ chức trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có pháp nhân và hạch toán độc lập; tổ chức có pháp nhân và hạch toán độc lập trực thuộc Tổng công ty do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập; tổ chức thuộc cơ quan trung ương của tổ chức xã hội - nghề nghiệp; nhà thầu nước ngoài.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Tại Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam: + Thời hạn cấp giấy phép: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Biên bản thẩm định kèm hồ sơ đề nghị cấp giấy phép/bổ sung danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ. + Thời hạn trả kết quả: 01 ngày làm việc kể từ ngày thông báo. * Gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ: không quá 10 ngày làm việc, cụ thể như sau: - Tại Sở Nông nghiệp và Môi trường: không quá 06 ngày làm việc - Thời hạn tiếp nhận hồ sơ: 02 ngày làm việc. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 04 ngày làm việc kể		3. Từ 06 đến 08 hoạt động dịch vụ đo đạc và bản đồ: 6.030.000 đồng/hồ sơ. 4. Từ 09 đến 11 hoạt động dịch vụ đo đạc và bản đồ: 6.510.000 đồng/hồ sơ. 5. Từ 12 đến 14 hoạt động dịch vụ đo đạc và bản đồ: 7.000.000 đồng/hồ sơ. *Gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ: chưa quy định	27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ. - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường. - Thông tư số 34/2017/TT-BTC ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ. - Thông tư số 33/2019/TT-BTC ngày 10 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 34/2017/TT-BTC ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Tại Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam: - Thời hạn cấp giấy phép: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được biên bản thẩm định kèm hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ. - Thời hạn trả kết quả: 01 ngày làm việc kể từ ngày thông báo.			thẩm định cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ và Thông tư số 196/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ. - Quyết định số 659/QĐ-BNNMT ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
2	Cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II	* Đối với cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II: Sau thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. * Đối với gia hạn/ cấp lại/ cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II: Trong thời hạn 03 ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường (số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1)	Chưa quy định	- Luật Đo đạc và bản đồ số 27/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ. - Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.			Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ. - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường. - Quyết định số 659/QĐ-BNNMT ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

B. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ	Ngay trong ngày làm việc hoặc theo thời gian thống nhất với bên yêu cầu cung cấp.	Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố (12 Phan Đăng Lưu, Phường 7, quận Bình Thạnh)	Biểu mức thu phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ ban hành kèm Thông tư số 47/2024/TT-BTC ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ.	- Luật Đo đạc và bản đồ số 27/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018. - Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ. - Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ. - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường. - Thông tư số 47/2024/TT-BTC ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí khai thác,

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ. - Quyết định số 659/QĐ-BNNMT ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

PHỤ LỤC V
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1964/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

A. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Nông nghiệp và Môi trường (63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1)	Không	- Luật Đa dạng sinh học 2008. - Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đa dạng sinh học - Quyết định số 696/QĐ-BNNMT ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố chuẩn hoá thủ tục hành chính lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					Nông nghiệp và Môi trường.
2	Cấp Giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ	- Thời hạn trả lời tính hợp lệ của hồ sơ: trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân về việc chấp nhận hồ sơ hoặc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định; việc yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ chỉ được thực hiện một (01) lần và thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. - Thời hạn thẩm định, ban hành quyết định cấp phép: trong thời hạn 30 ngày làm việc,	Sở Nông nghiệp và Môi trường (63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1)	Không	- Luật Đa dạng sinh học 2008. - Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy, cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ - Quyết định số 696/QĐ-BNNMT ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố chuẩn hoá thủ tục hành chính lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường tiến hành thẩm định và trình Ủy ban nhân dân Thành phố cấp Giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê mẫu vật của loài hoang dã thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ cho tổ chức, cá nhân đề nghị.			

B. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	Không quá ba (03 ngày) làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Luật Đa dạng sinh học năm 2008. - Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen. - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường. - Quyết định số 696/QĐ-BNNMT ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công bố chuẩn hoá thủ tục hành chính lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

PHỤ LỤC VI
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI
THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
Ban hành kèm theo Quyết định số 1964/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố

A. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Địa chỉ: 10 Nguyễn Huy Tưởng, Phường 7, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh)	Không	- Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ Quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ - Quyết định số 1744/QĐ-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế trong lĩnh vực đường bộ thuộc

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải. - Quyết định số 1855/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ủy quyền cho Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm là hóa chất bảo vệ thực vật trên đường bộ và bằng phương tiện thủy nội địa.
2	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Địa chỉ: 10 Nguyễn Huy Tưởng, Phường 7, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh)	Không	- Nghị định số 34/2024/NĐ-CP ngày 31/3/2024 của Chính phủ quy định về Quy định danh mục hàng hoá nguy hiểm, vận chuyển hàng hoá nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và phương tiện thủy nội địa; - Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ Quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ - Quyết định số 1744/QĐ-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải. - Quyết định số 1855/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ủy quyền cho Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm là hóa chất bảo vệ thực vật trên đường bộ và bằng phương tiện thủy nội địa.
3	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Địa chỉ: 10 Nguyễn Huy Tưởng, Phường 7, quận Bình Thạnh, Thành	Không	- Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ Quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	của Giấy phép		phố Hồ Chí Minh)		huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ - Quyết định số 1744/QĐ-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải. - Quyết định số 1855/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ủy quyền cho Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm là hóa chất bảo vệ thực vật trên đường bộ và bằng phương tiện thủy nội địa.
4	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa khi có sự thay đổi liên	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Địa chỉ: 10 Nguyễn Huy Tưởng, Phường 7, quận Bình Thạnh, Thành	Không	- Nghị định số 34/2024/NĐ-CP ngày 31/3/2024 của Chính phủ quy định về Quy định danh mục hàng hoá nguy hiểm, vận chuyển hàng hoá nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và phương tiện thủy

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	quan đến nội dung của Giấy phép		phố Hồ Chí Minh)		nội địa - Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ Quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ - Quyết định số 1744/QĐ-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải. - Quyết định số 1855/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ủy quyền cho Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm là hóa chất

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					bảo vệ thực vật trên đường bộ và bằng phương tiện thủy nội địa.
5	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Địa chỉ: 10 Nguyễn Huy Tưởng, Phường 7, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh)	Không	- Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ Quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ - Quyết định số 1744/QĐ-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải. - Quyết định số 1855/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ủy quyền cho Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp Giấy phép vận chuyển

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					hàng hóa nguy hiểm là hóa chất bảo vệ thực vật trên đường bộ và bằng phương tiện thủy nội địa.
6	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa do bị mất, bị hỏng	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Địa chỉ: 10 Nguyễn Huy Tưởng, Phường 7, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh)	Không	- Nghị định số 34/2024/NĐ-CP ngày 31/3/2024 của Chính phủ quy định về Quy định danh mục hàng hoá nguy hiểm, vận chuyển hàng hoá nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và phương tiện thủy nội địa; - Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ Quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ - Quyết định số 1744/QĐ-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được ban

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế trong lĩnh vực eđường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải. - Quyết định số 1855/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ủy quyền cho Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm là hóa chất bảo vệ thực vật trên đường bộ và bằng phương tiện thủy nội địa.

PHỤ LỤC VII
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VỀ KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1964/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (cấp tỉnh)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp nhận kiểm tra văn bản, phiếu yêu cầu, thông báo nghĩa vụ tài chính (trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính) cho tổ chức, cá nhân. Sau khi tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin, dữ liệu	Sở Nông nghiệp và Môi trường (63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1)	Thực hiện theo quy định pháp luật về phí và lệ phí	- Nghị định 73/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường. - Nghị định 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường. - Quyết định số 704/QĐ-BTNMT ngày 09 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính về khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		cho các tổ chức, cá nhân.			nguyên và môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

PHỤ LỤC VIII
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG
THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1964/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

A. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng cao	Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hợp lệ. Trường hợp sửa đổi, bổ sung hồ sơ: Thời gian bổ sung, sửa đổi hồ sơ là 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản thông báo.	Sở Nông nghiệp và Môi trường (176 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1)	Không	- Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. - Quyết định số 2466/QĐ-BNN-VP ngày 20/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Khoa học, công nghệ và môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 379/QĐ-BNNMT ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường.

B. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Chi cục Chăn nuôi và Thú y; Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành	- Đối với hồ sơ đăng ký công bố hợp quy không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký công bố hợp quy, Cơ quan quản lý có thẩm quyền thông báo bằng văn bản đề nghị bổ sung các loại giấy tờ theo quy định tới tổ chức, cá nhân công bố hợp quy. - Sau thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Cơ quan quản lý có thẩm quyền gửi văn bản đề nghị mà hồ sơ đăng ký công bố hợp quy không được bổ sung đầy đủ theo quy định, Cơ quan quản lý có thẩm quyền có quyền hủy bỏ việc xử lý đối với hồ sơ này. - Đối với hồ sơ đăng ký	- Chi cục Chăn nuôi và Thú y (<i>địa chỉ: số 151 Lý Thường Kiệt, Phường 7, Quận 11</i>): tiếp nhận đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước trong lĩnh vực chăn nuôi; thú y. - Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (<i>địa chỉ: số 10 Nguyễn Huy Tưởng, Phường 7, quận Bình Thạnh</i>): tiếp nhận đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước trong lĩnh	150.000 đồng	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006; - Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		công bố hợp quy đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký công bố hợp quy, Cơ quan quản lý có thẩm quyền phải tổ chức kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký công bố hợp quy để xử lý như sau: + Trường hợp hồ sơ đăng ký công bố hợp quy đầy đủ và hợp lệ, Cơ quan quản lý có thẩm quyền ban hành Thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký công bố hợp quy cho tổ chức, cá nhân công bố hợp quy. + Trường hợp hồ sơ đăng ký công bố hợp quy đầy đủ nhưng không hợp lệ, Cơ quan quản lý có thẩm quyền thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân công bố hợp quy về lý do không tiếp nhận hồ	vực trồng trọt; bảo vệ thực vật. - Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư (địa chỉ: số 126GH Phan Đăng Lưu, Phường 4, quận Phú Nhuận): tiếp nhận đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước trong lĩnh vực thủy sản.		với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; - Thông tư số 02/2017/TT-BKHHCN ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp quy, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; - Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy; - Thông tư số 06/2020/TT-BKHHCN ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều Nghị định 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008, Nghị định 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018, Nghị định 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 và Nghị định 119/2017/NĐ-CP ngày 01/11/2017 của Chính phủ; - Quyết định số 1299/QĐ-BNN-KHCN

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		SƠ.			ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Khoa học Công nghệ và Môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 379/QĐ-BNNMT ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường.

C. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	03 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Luật đa dạng sinh học ngày 10 tháng 12 năm 2018. - Nghị định 59/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen. - Quyết định số 3480/QĐ-BNN-KHCN ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					ban hành lĩnh vực khoa học, công nghệ và môi trường liên quan tới tiếp cận nguồn gen thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 379/QĐ-BNNMT ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường.

PHỤ LỤC IX
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP (KHUYẾN NÔNG)
THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

((Ban hành kèm theo Quyết định số 1964/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố))

A. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	18 (mười tám) ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường (176 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1)	Không	- Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; - Quyết định số 2412/QĐ-BNN-KHCN ngày 22 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về công bố thủ tục hành chính được thay thế lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 379/QĐ-BNNMT ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
2	Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	18 (mười tám) ngày làm việc	Sở Nông nghiệp và Môi trường (176 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1)	Không	- Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; - Quyết định số 2412/QĐ-BNN-KHCN ngày 22 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về công bố thủ tục hành chính được thay thế lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 379/QĐ-BNNMT ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường.
3	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Nông nghiệp và Môi trường (176 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Quận 1)	Không	- Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông; - Quyết định số 2519/QĐ-BNN-KHCN ngày 29/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về công bố thủ tục hành chính được thay thế lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					- Quyết định số 379/QĐ-BNNMT ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường.

B. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp huyện)	60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	- Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông; - Quyết định số 2519/QĐ-BNN-KHCN ngày 29/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về công bố thủ tục hành chính được thay thế lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Quyết định số 379/QĐ-BNNMT ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường.

C. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)	60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông; - Quyết định số 2519/QĐ-BNN-KHCN ngày 29/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về công bố thủ tục hành chính được thay thế lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Quyết định số 379/QĐ-BNNMT ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường.

PHỤ LỤC X
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP
THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1964/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp	- Thẩm định Đề án: Hai mươi (20) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ thẩm định Đề án hợp lệ; - Thẩm định Phương án: không quá 20 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ Phương án đầy đủ, đúng quy định; - Hoàn thiện Hồ sơ trình Phê duyệt Phương án: trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thẩm định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;	Sở Nông nghiệp và Môi trường (176 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1)	Không	- Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp; - Căn cứ Nghị định số 04/2024/NĐ-CP ngày 12/01/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp; - Thông tư số 02/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn xây dựng đề án và phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		- Phê duyệt Đề án: trong thời hạn không quá năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản phê duyệt Phương án của Thủ tướng Chính phủ.			phủ; - Quyết định số 311/QĐ-BNN-QLDN ngày 21/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực quản lý doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 379/QĐ-BTNMT ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường.

PHỤ LỤC XI
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐÊ ĐIỀU VÀ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI
THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1964/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

A. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Điều chỉnh êVấn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ (cấp Tỉnh)	Không quy định	Sở Nông nghiệp và Môi trường (176 Hai Bà Trưng, phường Đakao, Quận 1)	Không	- Nghị định số 50/2020/NĐ-CP ngày 20/4/2020 của Chính phủ quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai. - Quyết định số 1957/QĐ-BNN-PCTT ngày 01/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 379/QĐ-BNNMT ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường.
2	Phê duyệt Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ (cấp Tỉnh)	Tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ xin ý kiến, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan, địa phương có liên quan thôn trả lời bằng văn bản gửi cơ quan chủ quản.	Sở Nông nghiệp và Môi trường (176 Hai Bà Trưng, phường Đakao, Quận 1)	Không	- Nghị định số 50/2020/NĐ-CP ngày 20/4/2020 của Chính phủ quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai. - Quyết định số 1957/QĐ-BNN-PCTT ngày 01/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 379/QĐ-BNNMT ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường.
3	Phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân các Cấp Tỉnh, thành phố trực thuộc Cấp Trung ương	03 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Nông nghiệp và Môi trường (176 Hai Bà Trưng, phường Đakao, Quận 1)	Không	- Nghị định số 50/2020/NĐ-CP ngày 20/4/2020 của Chính phủ quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai. - Quyết định số 1957/QĐ-BNN-PCTT ngày 01/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 379/QĐ-BNNMT ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường.
4	Cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đề điều thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân Thành phố	Không quy định	Sở Nông nghiệp và Môi trường (176 Hai Bà Trưng, phường Đakao, Quận 1)	Không	- Luật Đề điều ngày 29 tháng 11 năm 2006; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đề điều ngày 17 tháng 6 năm 2020; - Quyết định số 379/QĐ-BNNMT ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường.

B. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	25 (hai mươi lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn, hồ sơ theo quy định, cụ thể: - 10 ngày làm việc đối với Ủy ban nhân dân cấp xã; - 05 ngày làm việc đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện. - Ủy ban nhân dân cấp xã chi trả kinh phí khám chữa bệnh cho đối tượng được hưởng: 10 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định trợ cấp.	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật đề điều; - Quyết định số 3461/QĐ-BNN-PCTT ngày 04 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Quyết định số 3594/QĐ-BNN-VP ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 379/QĐ-BNNMT ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường.
2	Trợ cấp tiền êtuát, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn, hồ sơ theo quy định, cụ thể: - 10 ngày làm việc đối với Ủy ban nhân dân cấp xã; - 05 ngày làm việc đối Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; - 05 ngày làm việc đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Ủy ban nhân dân cấp xã chi trả trợ cấp cho đối tượng được hưởng: 10 ngày làm việc.	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật đề điều; - Quyết định số 3461/QĐ-BNN-PCTT ngày 04 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Quyết định số 3594/QĐ-BNN-VP ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 379/QĐ-BNNMT ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
3	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu	07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản kê khai.	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh. - Quyết định số 3499/QĐ-BNN-PCTT ngày 11 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực phòng chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 3594/QĐ-BNN-VP ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 379/QĐ-BNNMT ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;
4	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh	15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		nhân dân các cấp nhận được hồ sơ hợp lệ.			nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh. - Quyết định số 3499/QĐ-BNN-PCTT ngày 11 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực phòng chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 3594/QĐ-BNN-VP ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 379/QĐ-BNNMT ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;